

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 7 (TỪ 18/10 ĐẾN 22/10/2021)

1. MÔN: GDCD 8

A. LÝ THUYẾT (Nội dung bài ghi)

Tiết 7- Bài 11: LAO ĐỘNG TỰ GIÁC VÀ SÁNG TẠO

I. ĐẶT VẤN ĐỀ: sgk/ 28, 29

II. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Thế nào là lao động tự giác và sáng tạo?

- Lao động tự giác: là chủ động làm việc, không đợi ai nhắc nhở, không phải do áp lực từ bên ngoài.
- Lao động sáng tạo: là luôn suy nghĩ, cải tiến, tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết mới đạt hiệu quả cao nhất.

2. Ý nghĩa:

- Đây là yêu cầu của sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.
- Tiếp thu được những kiến thức, kỹ năng ngày càng thiết thực
- Phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân được hoàn thiện.
- Chất lượng, hiệu quả học tập lao động sẽ ngày càng nâng cao.

3. Trách nhiệm của học sinh:

- Học sinh cần có kế hoạch rèn luyện tự giác và sáng tạo trong học tập, lao động.

B. Bài tập:

Câu 1: Thế nào là lao động tự giác, sáng tạo? cho 1 ví dụ lao động tự giác và 1 ví dụ lao động sáng tạo?

.....

.....

.....

.....

Câu 2:

Em có tán thành với những việc làm sau đây không? Vì sao?

- a) Khôi thường tự canh giờ để thức dậy và đi học mỗi ngày, tự học bài và làm việc nhà giúp mẹ khi rảnh.

.....

.....

- b) Phúc cho rằng chỉ cần học thuộc bài , làm bài tập giáo viên yêu cầu là đủ rồi.

.....

.....

.....

DẶN DÒ:

- Học khái niệm lao động tự giác và sáng tạo?
- Hoàn thành bài tập cô gửi.
- Học sinh lên trang lớp học làm bài tập để lấy điểm .

-----**HẾT**-----

2. MÔN: MỸ THUẬT 8

BÀI 5 : KIỂM TRA GIỮA HKI VẼ TĨNH VẬT : LỌ VÀ QUẢ (TIẾT 1 : VẼ HÌNH)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Quan sát, nhận xét :

Hình dáng chung và đặc điểm của mẫu (lọ và quả).

- Cách sắp đặt giữa lọ và quả.
- Độ đậm nhạt của lọ, quả và nền.

2. Cách vẽ hình :

- Ước lượng chiều cao, chiều ngang của mẫu để tìm tỉ lệ chung.
- Vẽ phác hình lọ và quả vào trang giấy cho cân đối (HS tham khảo hình H.2a SGK).
- Ước lượng tỉ lệ của lọ, quả và vẽ hình bằng các nét thẳng mờ.
- Tìm kích thước của lọ (miệng, cổ, vai, thân, đáy), của quả và vẽ hình (HS tham khảo hình H.2b SGK).
- Quan sát mẫu, điều chỉnh tỉ lệ và vẽ chi tiết (HS tham khảo hình H.2c).

Chú ý : Nét vẽ nên có đậm, nhạt cho bài vẽ sinh động.

B. LUYỆN TẬP:

Vẽ hình : vẽ tĩnh vật : Lọ và Quả.

-----HẾT-----

3. MÔN: LỊCH SỬ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

BÀI 7 – Mục II:

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA VÀ CUỘC CÁCH MẠNG 1905 – 1907

1/ Lê-nin và việc thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga

- Năm 1893 **Lê-nin** trở thành lãnh đạo Nhóm công nhân mác xít ở Pê-téc-bua
- Năm **1903**, thành lập **Đảng vô sản kiểu mới** ở Nga với **Cương lĩnh cách mạng** → trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào CM ở Nga.

2/ Cách mạng Nga năm 1905 – 1907

- Đầu thế kỉ XX, nước Nga lâm vào khủng hoảng toàn diện.
- Cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 -1905) gây thiệt hại nặng nề cho đất nước và nhân dân Nga.
→ Chế độ Nga hoàng mâu thuẫn gay gắt với nhân dân.
- Cuối 1904, các phong trào đấu tranh đòi lật đổ Nga hoàng đã nổ ra. **Đỉnh cao là cuộc cách mạng 1905 - 1907:**
 - + **Mục tiêu:** lật đổ chế độ chuyên chế của Nga hoàng
 - + **Lãnh đạo:** Đảng vô sản kiểu mới (Đảng Bôn-sê-vich)
 - + **Lực lượng tham gia:** công nhân, nông dân, binh lính
 - + **Kết quả:** tuy thất bại nhưng làm suy yếu chế độ Nga hoàng
 - + **Ý nghĩa:** là bước chuẩn bị cho cuộc CM Tháng Mười (1917) sau này và có ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.
 - + **Tính chất:** CM Nga 1905- 1907 là cuộc Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Nguyên nhân chính dẫn đến cuộc Cách mạng Nga 1905 – 1907 là:
 - A. Nga hoàng gây chiến tranh với Nhật Bản (1904 -1905)
 - B. Nga hoàng và quý tộc địa chủ mâu thuẫn với giai cấp tư sản
 - C. Chế độ Nga hoàng mâu thuẫn với nhân dân Nga.
 - D. Giai cấp tư sản mâu thuẫn gay gắt với công nhân (giai cấp vô sản).
2. Lực lượng chủ yếu tham gia Cách mạng Nga 1905 – 1907 là
 - A. Giai cấp tư sản và nông dân
 - B. Giai cấp tư sản và vô sản
 - C. Giai cấp công nhân và binh lính
 - D. Giai cấp công nhân, nông dân và binh lính
3. Lãnh đạo cuộc Cách mạng Nga 1905 – 1907 là
 - A. Đảng Xã hội Nga
 - B. Đảng Bôn-sê-vich Nga
 - C. Đảng Công nhân xã hội Nga
 - D. Nhóm Giải phóng lao động Nga
4. Ý nghĩa cuộc Cách mạng Nga 1905- 1907:
 - A. Làm suy yếu chế độ Nga hoàng
 - B. Là bước chuẩn bị cho cho cuộc CM Tháng Mười (1917) sau này

- C. Có ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.
- D. Tất cả đáp án trên.

C. DẶN DÒ

- Các em đọc trước bài 8 và bài 22-mục I, chuẩn bị cho tuần sau tìm hiểu Chủ đề: Sự phát triển của khoa, kỹ thuật và văn hóa-nghệ thuật cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.
- Tìm hiểu về Thuyết vạn vật hấp dẫn của Niu-ton trong môn Vật lý.
- Tìm hiểu về Thuyết tiến hóa và di truyền của Đác-uyn trong môn Sinh học.
- Tìm hiểu sự ra đời của xe lửa và tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước...

-----**HẾT**-----

4. MÔN: NGỮ VĂN 8

CHỦ ĐỀ :
TIẾNG VIỆT: TRỢ TỪ, THÁN TỪ, TÌNH THÁI TỪ
HĐTH: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG
BÀI: TRỢ TỪ, THÁN TỪ

I. Trợ từ

VD/ SGK/ tr.69

- Nó ăn hai bát cơm

-> Thông báo một cách khách quan

2) Nó ăn **những** hai bát cơm

-> Ý nhấn mạnh (nhiều hơn bình thường)

3) Nó ăn **có** hai bát cơm

-> Ý nhấn mạnh (ít hơn bình thường)

* **Ghi nhớ 1:** (SGK/ tr.69)

II. Thán từ

VD: SGK/ tr. 69

- **Này!** Ông giáo ạ.

-> Gọi, gây sự chú ý

A! Lão già này tẻ lắm.

-> Bộc lộ cảm xúc tức giận

- **Vâng,** cháu cũng nghĩ như cụ.

-> Lời đáp lễ phép

* **Ghi nhớ 2** (SGK/ tr.70)

III. LUYỆN TẬP

BT1/ SGK tr. 70:

Xác định trợ từ: câu a, c, g, i

BT2/ SGK tr. 70:

- Lấy: nhấn mạnh mức độ tối thiểu, không yêu cầu hơn.

- Nguyên: chỉ một phương diện, một mặt nào đó.

- Đến: Nhấn mạnh mức độ cao hơn bình thường.

- Cả: Nhấn mạnh mức độ cao hơn bình thường.

- Cứ: nhấn mạnh về sắc thái khẳng định và sự lặp lại

BT4/ SGK tr. 72:

- Ha ha!: Biểu lộ thái độ vui mừng, phấn khởi.

- Ái ái!: Tiếng kêu thốt lên khi bị đau đột ngột.

- Than ôi!: Cảm xúc đau buồn, thương tiếc.

BÀI : TÌNH THÁI TỪ

I. Chức năng của tình thái từ

1. Ví dụ

a. Mẹ đi làm rồi **à**?

-> Câu nghi vấn

b. Con nín **đi**!

-> Câu cầu khiến

c. Thương **thay** cũng một kiếp người...

-> Câu cảm thán.

d. Em chào cô **ạ**!

-> Biểu lộ sự kính trọng

2. Ghi nhớ: 1 (SGK/81)

II. Sử dụng tình thái từ

VD: SGK/ tr.81

a. Bạn chưa về **à**?

-> Hỏi thân mật

b. Thầy mệt **ạ**!

-> Hỏi kính trọng

c. Bạn giúp tôi một tay **nhé**!

-> Cầu khiến thân mật

d. Bác giúp cháu một tay **ạ**!

-> Cầu khiến lễ phép

***Ghi nhớ 2** (SGK/81)

III. Luyện tập

BT1/81: Xác định tình thái từ

- Câu b, c, e, i

BT2/81: Giải thích ý nghĩa của tình thái từ

a. Chứ: hỏi về một điều đã ít nhiều được khẳng định.

b. Chứ: nhấn mạnh điều vừa khẳng định

c. Ừ: hỏi với thái độ phân vân

d. Nhỉ: hỏi thân mật

e. Nhé: dặn dò thân mật

g. Vậy: thái độ miễn cưỡng

h. Cơ mà: thái độ thuyết phục.

Tìm những lỗi chính tả trong các bài viết của mình, xác định xem vì sao lại sai lỗi đó? Do phát âm sai hay do phát âm kiểu vùng miền, từ đó rút ra những lỗi hay sai của mình và sửa lại cho đúng.

Bài tập: Chỉ ra những lỗi chính tả mà HS mắc phải trong một bài làm văn về nhà sau : (nội dung: tả con mèo)

... Em đặt tên cho nó là Miu. Con Miu không to lắm đâu, cở bắp chân em thôi, mình dài và thon thả. Cái đầu chòn , nhỏ , đôi tai mỏng dính nhưng dất thín, luôn giồng lên để nghe ngóng những vật chung quanh. Cặp mắt chòn xe, xanh biét. Khi màn đêm buông xuống, Miu hoạt bát hẳn lên, nó rìn chuột hàng giờ dưới góc bếp...

-----HẾT-----

5. MÔN: SINH 8

CHỦ ĐỀ SỰ TUẦN HOÀN CỦA CƠ THỂ BÀI 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. MÁU

1. Thành phần cấu tạo của máu:

- Máu gồm: huyết tương (55%) và các tế bào máu (45%) .
- Các tế bào máu gồm hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

2. Chức năng của huyết tương và hồng cầu:

- Huyết tương : duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch, vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và chất thải.
- Hồng cầu : tế bào hình đĩa, lõm 2 mặt, không nhân. Chức năng: vận chuyển O₂ và CO₂ nhờ có huyết sắc tố (Hb).

II. MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ:

- Môi trường trong cơ thể gồm máu, nước mô và bạch huyết.
- Môi trường trong giúp tế bào thường xuyên liên hệ với môi trường ngoài trong quá trình trao đổi chất.

B. LUYỆN TẬP:

1. Máu gồm những thành phần nào? Nêu chức năng của huyết tương và hồng cầu
2. Môi trường trong của cơ thể gồm những thành phần nào? Chúng có quan hệ như thế nào?

CHỦ ĐỀ HỆ SỰ TUẦN HOÀN CỦA CƠ THỂ BÀI 14: BẠCH CẦU – MIỄN DỊCH

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA BẠCH CẦU:

- Bạch cầu là tế bào trong suốt, có nhân, hình dạng không nhất định
- Chức năng : tham gia bảo vệ cơ thể , bằng cách:
 - * Bạch cầu trung tính, bạch cầu mono dùng chân giả bắt và nuốt vi khuẩn (thực bào)
 - * Limphô B: tạo kháng thể vô hiệu hóa kháng nguyên
 - * Limphô T : tiết protein phá hủy các tế bào đã bị nhiễm bệnh

II. MIỄN DỊCH:

- Miễn dịch là khả năng cơ thể không bị mắc 1 bệnh nào đó
- Có 2 loại miễn dịch:
 - * Miễn dịch tự nhiên: là miễn dịch khi sinh ra đã có (bẩm sinh) hoặc có được sau khi cơ thể đã bị nhiễm bệnh (tập nhiễm.).
 - * Miễn dịch nhân tạo: con người tạo ra miễn dịch bằng cách tiêm phòng vắc – xin.

B. LUYỆN TẬP:

1. Người ta thường tiêm phòng cho trẻ em những loại bệnh nào?
2. Bản thân em đã miễn dịch với những bệnh nào từ sự mắc bệnh trước đó và với những bệnh nào từ sự tiêm phòng?
3. Các bạch cầu đã tạo nên những hàng rào phòng thủ nào để bảo vệ cơ thể?

C. DẶN DÒ:

- Đọc phần em có biết trang 44,47 SGK.
- Làm các bài tập ở phần luyện tập.
- Xem trước bài 15+16
- Tìm hiểu về sự đông máu và nguyên tắc truyền máu.
- Tìm hiểu về vai trò của tiểu cầu trong sự đông máu

-----HẾT-----

6. MÔN: TIN HỌC 8

Bài 10. LÀM QUEN VỚI GIẢI PHẪU CƠ THỂ NGƯỜI BẰNG PHẦN MỀM ANATOMY

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

LÀM QUEN VỚI GIẢI PHẪU CƠ THỂ NGƯỜI BẰNG PHẦN MỀM ANATOMY

1. Cùng làm quen với phần mềm Anatomy

Phần mềm có hai nút lệnh **LEARN** (học) và **EXERCISES** (bài tập). Tám biểu tượng tương ứng với 8 chủ đề.

2. Hệ xương

Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **SKELETAL SYSTEM** để tìm hiểu về hệ xương của con người.

a) Các thao tác trực tiếp trên hình mô phỏng

sgk trang 81

b) Bổ sung thêm các hệ khác vào hình mô phỏng

sgk trang 82

c) Quan sát chi tiết các hệ giải phẫu cơ thể người

sgk trang 83

3. Hệ cơ

Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **MUSCULAR SYSTEM** để tìm hiểu về hệ cơ.

4. Hệ tuần hoàn

- Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **CIRCULATORY SYSTEM** để tìm hiểu về hệ tuần hoàn của con người.

Chức năng mô phỏng hệ tuần hoàn

Sgk trang 85

5. Hệ hô hấp

Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **RESPIRATORY SYSTEM** để tìm hiểu về hệ hô hấp.

Chức năng mô phỏng hoạt động của hệ hô hấp.

Sgk trang 86

6. Hệ tiêu hoá

Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **DIGESTIVE SYSTEM** để tìm hiểu hệ tiêu hoá.

Chức năng mô phỏng hoạt động của hệ tiêu hoá.

Sgk trang 87

7. Hệ bài tiết

Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **EXCRETOR SYSTEM** để tìm hiểu hệ bài tiết.

Chức năng mô phỏng hoạt động của hệ bài tiết.

Sgk trang 88

8. Hệ thần kinh

Nháy chuột vào biểu tượng có dòng chữ **NERVOUS SYSTEM** để tìm hiểu về hệ thần kinh.

Chức năng mô phỏng hoạt động của một phản xạ thần kinh không điều kiện.

Sgk trang 89

B. LUYỆN TẬP:

- 1) Trong hệ xương của con người, xương nào dài nhất, xương nào dài thứ hai?
- 2) Trong cơ thể người, cơ nào là khỏe nhất? Cơ nào dài nhất?
- 3) Nêu chức năng của hệ hô hấp?

-----HẾT-----

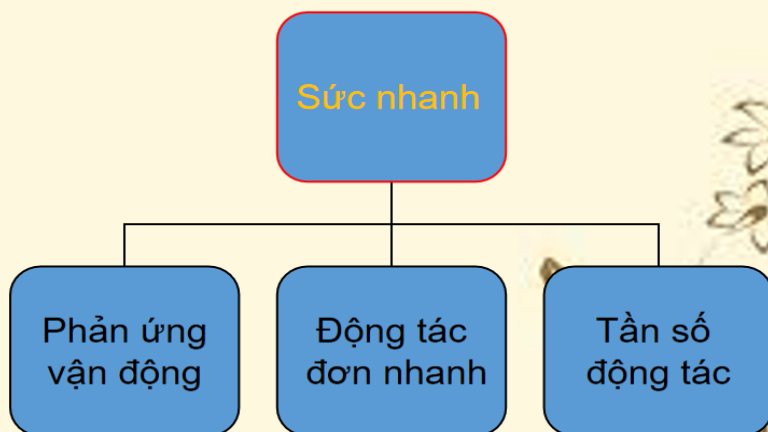
7. MÔN: THỂ DỤC 8

A. Lý thuyết: Một số phương pháp tập luyện phát triển sức nhanh.

I. Khái niệm sức nhanh :

Là khả năng thực hiện động tác trong khoảng thời gian ngắn nhất.

II. Các hình thức biểu hiện sức nhanh:



1. Sức nhanh phản ứng vận động :

a. Phản ứng vận động đơn giản

Ví dụ : Khi nghe thấy tiếng súng phát lệnh hoặc hiệu lệnh “chạy”, người chạy phản ứng nhanh bằng động tác xuất phát ...



b. Phản ứng vận động phức tạp :

Ví dụ : Khi có bóng sút khung thành thì thủ môn phải :
1. Nhìn thấy bóng; 2. Đánh giá hướng và tốc độ bay của bóng;
3 . Chọn động tác thích hợp để đoán bóng; 4. Thực hiện động tác...



2- Sức nhanh trong động tác (động tác đơn nhanh)

Ví dụ: trong đấu võ, đấu kiếm,...xuất đòn nhanh , đặt chân giậm nhảy nhanh , đập bóng trong môn bóng chuyên ...



3- Sức nhanh tần số động tác:

Ví dụ : 4 bước chạy /1s hoặc 3 bước bơi/1s, số lần đi bộ trong 1 phút , nhảy dây trong 10s...



4 . Phương pháp tập luyện phát triển sức nhanh.

1- Nhóm bài tập rèn luyện phản ứng vận động đơn giản :

- Tập chạy ngược chiều khi nghe tiếng còi.

- Tập xuất phát ở nhiều tư thế khác nhau .

2. Nhóm bài tập rèn luyện phản ứng vận động phức tạp :

- Tập với các môn bóng: bóng đá , bóng chuyền , bóng bàn , bóng rổ...

- Các môn đối kháng cá nhân : Cầu lông , đá cầu ...

3- Nhóm bài tập rèn luyện động tác đơn nhanh:

- Co tay xà đơn nhanh.

- Nằm chống đẩy.

- Ngồi xuống đứng lên nhanh .

4- Nhóm bài tập rèn luyện sức nhanh tần số động tác:

- Chạy nhanh tại chỗ hoặc di chuyển trong 15s , 20s .

- Nhảy dây nhanh trong 10s, 15s.

- Chạy xuống dốc.

- Chạy với người có tốc độ cao hơn.



B. Đội Hình Đội Ngũ : Các loại đội hình

1. Đội hình hàng ngang:

- Tổ trưởng đứng đầu, thành viên lần lượt đứng về phía bên trái tổ trưởng từ thấp đến cao.

- Hàng ngang trên cùng là chuẩn, các tổ kế xếp hàng ngang theo thứ tự đứng sau hàng 1.



Dóng hàng ngang, đếm số.

Hàng ngang.

- Một hàng ngang tập hợp



Dóng hàng ngang.

- Nhìn phải....thẳng



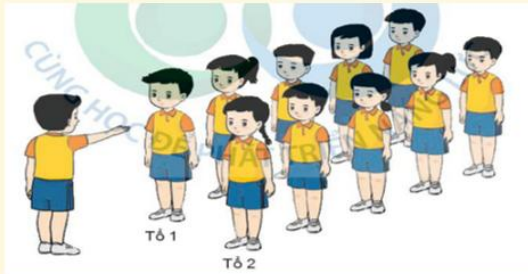
Đếm số hàng ngang

- Từ phải sang trái
đếm số....điểm



2. Đội hình hàng dọc:

- Đội hình hàng dọc để tập hợp điểm số, báo cáo, khi tiến hành hoặc tổ chức các hoạt động.
- Phân từng hàng: Tổ trưởng đứng đầu, các thành viên thứ tự xếp hàng từ thấp đến cao.
- Hàng dọc: Các thành viên xếp hàng dọc, hàng 1 làm chuẩn, các hàng khác (theo thứ tự) đứng bên trái của hàng 1.



Hàng 1 Hàng 2 Hàng 3 Hàng 4

Chỉnh đốn đội ngũ:

Sau khi tập hợp xong, cần phải chỉnh đốn đội ngũ để có một đơn vị sắp xếp ngay ngắn, nghiêm chỉnh, có cự li thích hợp để bắt đầu hoạt động. Mỗi hàng dọc cách nhau một khuỷu tay phải, bàn tay phải chống ngang thắt lưng, 4 ngón đặt phía trước), dóng hàng dọc cách nhau một cánh tay trái (lòng bàn tay úp; nếu đưa lên phía trước, lòng bàn tay vuông góc với mặt đất).

3. Quay bên phải



Quay bên trái:

Khi có lệnh “bên trái quay!” sau động lệnh “quay”, người đứng nghiêm, lấy gót chân trái làm trụ, mũi chân phải làm điểm đỡ, quay người sang phía trái một góc 90 độ, sau đó rút chân phải lên trở về tư thế đứng nghiêm.



Quay đằng sau:

Khi có khẩu lệnh "Đằng sau - quay!", sau động lệnh "quay", lấy gót chân phải làm trụ, mũi chân trái làm điểm đỡ, quay người sang phía bên phải một góc 180 độ, sau đó rút chân trái lên, trở về tư thế nghiêm.



3



2

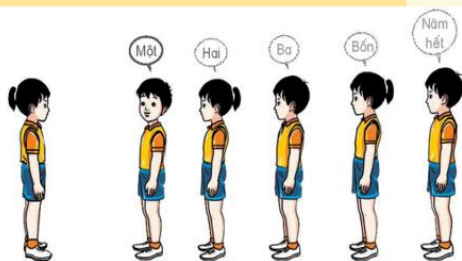


1



Điểm Số dọc

Khẩu Lệnh: Từ 1 đến hết ... điểm số



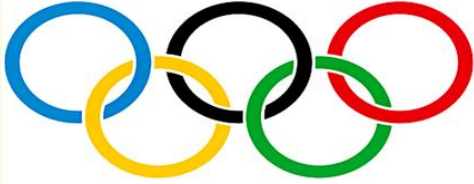
- Khẩu lệnh: “Từ một đến hết – Điểm số!”.
- Động tác: Từ trước ra sau, từng bạn lần lượt quay đầu sang trái hô to số thứ tự của mình rồi trở về tư thế ban đầu. Bạn cuối hàng giữ nguyên tư thế, hô số thứ tự và hô “Hết!”.





BÀI TẬP VỀ NHÀ

*Em hãy thực hiện lại kĩ thuật nghi, nghiêm, quay phải,
trái và động tác quay sau*



-----HẾT-----

8. MÔN: ĐỊA LÝ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Chủ đề 2: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI, KINH TẾ CỦA CHÂU Á.

(Bài 5 + 6 + 7 + 8)

(Tiếp theo)

III) Kinh tế:

*** Đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội các nước và lãnh thổ Châu Á hiện nay:**

- Sau chiến tranh thế giới thứ 2, nền kinh tế các nước có nhiều chuyển biến mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, nhưng trình độ phát triển kinh tế giữa các nước và các vùng lãnh thổ không đều.

- + Nhật Bản là nước phát triển cao nhất.
- + Nước công nghiệp mới: Xin- ga- po, Hàn Quốc,...
- + Nước nông, công nghiệp: Trung Quốc, Ấn Độ,..
- + Nước đang phát triển: Lào, Campuchia,...

- Số lượng các nước nghèo khổ còn chiếm tỉ lệ cao.

B. LUYỆN TẬP:

Xem lại nội dung các chủ đề đã học từ tuần 1=> tuần 7 (chủ đề 1,2) chuẩn bị ôn tập kiểm tra đánh giá định kỳ giữa kì I

-----HẾT-----

9. MÔN: TIẾNG ANH 8

➤ TIẾT 19: - SPEAK – UNIT 4 : OUR PAST (Học sinh tự thực hiện)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

New words

Low-high paid (a) trả lương thấp , lương cao

Flat (n) căn hộ

B. LUYỆN TẬP

1. Work with a partner. Look at the pictures. Talk about the way things used to be and the way they are now.

(Hãy làm việc với bạn em. Nhìn những bức tranh sau và nói về sự khác nhau giữa sự việc thường xảy ra trong quá khứ và sự việc xảy ra ở hiện tại.)



ANSWER KEY

- People used to do tiring and low-paid jobs on farms or in the fields, but now they can do lighter and higher-paid jobs in offices or firms.
- People used to travel on foot, but now they can go by bicycle, by motorbike, by car or even by plane.
- People used to go to school, but now they can go to school and pursue interests outside the homes.
- There used not to be electricity in the home, but now there is electricity in almost everywhere.
- People used to live in cottages or small houses, but now they live in modern flats, bigger houses or high buildings.
- People used to work hard, but now they have more free time for entertainment.

2. Now tell your partner about the ... (Bây giờ em hãy cho bạn em biết em thường làm gì năm ngoái.)

ANSWER KEY

- Last year I used to stay up late. Now I go to bed early.

- Last year I used to watch TV. **Now** I don't watch TV late.
- Last year I used to play table tennis. **Now** I seldom play table tennis; I play the guitar.
- Last year I used to drink coffee. **Now** I never drink coffee.
- Last year I used to stay up late playing computer game. **Now** I stay up late studying my lessons for the next exam.

➤ **TIẾT 20: LISTEN – UNIT 4 : OUR PAST (Học sinh tự học ở nhà)**

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

New words

- Lay eggs (v) đẻ trứng
- Cut open (v) mổ
- Discover (v) phát hiện
- Shout (v) la hét
- Excite (v) excitement (n) gây hào hứng
- Excited/ exciting (a) hào hứng
- Foolish (a) ngu ngốc
- Greedy (a) tham lam
- Cruel (a) độc ác

B. LUYỆN TẬP

Listen (Trang 41 SGK Tiếng Anh 8)

Listen to the story. Write the letter of the most suitable moral lesson.

(Hãy nghe câu chuyện sau và chọn đầu đề cho bài học luân lý thích hợp nhất.)

ANSWER KEY

- a) Don't kill chickens. (Đừng giết gà.)
- b) Don't be foolish and greedy. (Đừng quá ngốc và tham lam.)
- c) Be happy with what you have. (Hãy bằng lòng với những gì mình có.)
- d) It's difficult to find gold. (Thật khó để tìm vàng.)

TAPESCRIPT

Once a farmer lived a comfortable life with his family. His chickens laid many eggs which the farmer used to buy food and clothing for his family.

One day, he went to collect the eggs and discovered one of the chickens laid a gold egg. He shouted excitedly to his wife, "*We're rich! We're rich!*"

His wife ran to him and they both looked at the egg in amazement. The wife wanted more, so her husband decided to cut open all the chickens and find more gold eggs. Unfortunately he couldn't find any eggs. When he finished all the chickens were dead.

There were no more eggs of any kind for the foolish farmer and his greedy wife.

➤ **TIẾT 21: READ – Unit 4 : OUR PAST**

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

New words

- Do chores (v) làm việc vặt
- Festival (n) lễ hội
- Change...into... (v) biến thành
- Magically (adv) đầy phép thuật

Fit (v) vừa vặn

Marry = get married (v) kết hôn

Own (v) sở hữu

Prince (n) hoàng tử

Rag (n) quần áo rách

B. LUYỆN TẬP

1. Complete the sentences with words from the story.

(Em hãy hoàn thành các câu sau bằng các từ trong câu chuyện.)

ANSWER KEY

- a. Little Pea's father was a **farmer**.
- b. Little Pea's mother **died** when he was young.
- c. Little Pea **had** to do the housework all day after her father got married **again**.
- d. The prince wanted to **marry/ choose** a girl from Little Pea's village.
- e. Stout Nut's mother did not make **new clothes** for Little Pea.
- f. The prince found Little Pea's **lost** shoe.

2. Answer the questions. Write the answers in your exercise book.

(Trả lời câu hỏi. Em hãy viết câu trả lời vào vở bài tập của em.)

ANSWER KEY

- a) Who was Little Pea?
=> Little Pea was a poor farmer's daughter.
- b) What did Stout Nut's mother make Little Pea do all day?
=> Stout Nut's mother made Little Pea do the chores all day.
- c) How did Little Pea get her new clothes?
=> A fairy magically changed her rags into beautiful clothes.
- d) Who did the prince decide to marry?
=> The prince decided to marry the girl who owed the shoe.
- e) Is this a true story? How do you know?
=> No, this isn't a true story. This is a folktale.

-----THE END-----

10A. MÔN: TOÁN. ĐẠI SỐ LỚP 8

CHỦ ĐỀ

PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ

4. Phối hợp nhiều phương pháp

A. LÝ THUYẾT

- Chọn các phương pháp theo thứ tự ưu tiên.
- Đặt nhân tử chung.
- Dùng hằng đẳng thức.
- Nhóm nhiều hạng tử.

Ví dụ 1. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử

a) $3xy^2 - 12xy + 12x = 3x(y^2 - 4y + 4) = 3x(y - 2)^2$

b) $3x^3y - 6x^2y - 3xy^3 - 6axy^2 - 3a^2xy + 3xy$
 $= 3xy(x^2 - 2y - y^2 - 2ay - a^2 + 1)$
 $= 3xy[(x^2 - 2x + 1) - (y^2 + 2ay + a^2)]$
 $= 3xy[(x - 1)^2 - (y + a)^2]$
 $= 3xy[(x - 1) - (y + a)][(x - 1) + (y + a)]$
 $= 3xy(x - 1 - y - a)(x - 1 + y + a)$

***Phương pháp tách hạng tử :** Đối với đa thức bậc hai $ax^2 + bx + c$

Bước 1: Tìm tích ac, rồi phân tích ac ra tích của hai thừa số nguyên bằng mọi cách.

$$a.c = a_1.c_1 = a_2.c_2 = a_3.c_3 = \dots = a_i.c_i = \dots$$

Bước 2: Chọn hai thừa số có tổng bằng b, chẳng hạn chọn tích $a.c = a_i.c_i$ với $b = a_i + c_i$

Bước 3: Tách $bx = a_ix + c_ix$. Từ đó nhóm hai số hạng thích hợp để phân tích tiếp.

Ví dụ 2. Phân tích đa thức $3x^2 + 8x + 4$ thành nhân tử.

Hướng dẫn

$a = 3 ; b = 8 ; c = 4$

- Phân tích $ac = 12 = 3.4 = (-3).(-4) = 2.6 = (-2).(-6) = 1.12 = (-1).(-12)$
- Tích của hai thừa số có tổng bằng $b = 8$ là tích $a.c = 2.6$ ($a.c = a_i.c_i$).
- Tách $8x = 2x + 6x$

Lời giải

$$\begin{aligned} 3x^2 + 8x + 4 &= 3x^2 + 2x + 6x + 4 \\ &= (3x^2 + 2x) + (6x + 4) \\ &= x(3x + 2) + 2(3x + 2) \\ &= (x + 2)(3x + 2) \end{aligned}$$

B. LUYỆN TẬP:

Bài 51+ 53: SGK/24

Bài 57: SGK/25

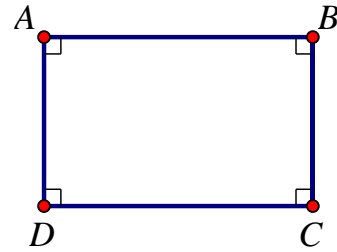
10B. MÔN: TOÁN 8 - HÌNH HỌC

BÀI 9: HÌNH CHỮ NHẬT – LUYỆN TẬP

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

1/Định nghĩa: Hình chữ nhật là tứ giác có 4 góc vuông

Tứ giác ABCD có $\hat{A} = \hat{B} = \hat{C} = \hat{D} = 90^0$
nên ABCD là hình chữ nhật



2/Tính chất

Hình chữ nhật có tất cả các tính chất của hình bình hành, của hình thang cân.

Định lý: Trong hình chữ nhật, hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

3/Dấu hiệu nhận biết

1/Tứ giác có ba góc vuông là hình chữ nhật

2/Hình thang cân có một góc vuông là hình chữ nhật

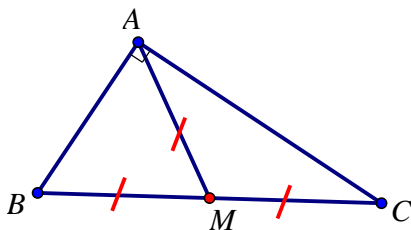
3/Hình bình hành có một góc vuông là hình chữ nhật

4/Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

4/Áp dụng vào tam giác:

Các định lý

1/Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng nửa cạnh huyền.



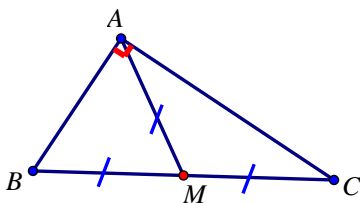
ΔABC vuông tại A có AM là trung tuyến

$$\Rightarrow AM = BM = CM = \frac{1}{2} BC$$

2/ Nếu một tam giác có đường trung tuyến ứng với một cạnh bằng nửa cạnh ấy thì tam giác đó là tam giác vuông.

ΔABC có AM là trung tuyến và $AM = \frac{1}{2} BC$

$$\Rightarrow \Delta ABC \text{ vuông tại A}$$



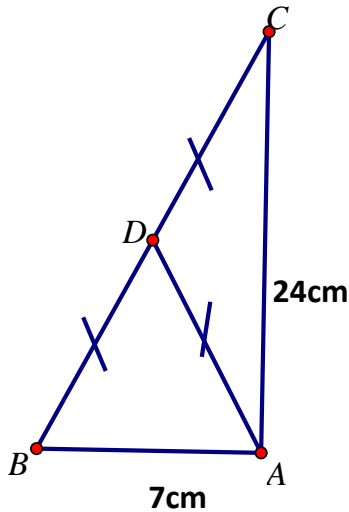
B. LUYỆN TẬP:

Bài tập 60, 61 trang 99 sgk toán 8 tập 1

60. Tính độ dài đường trung tuyến ứng với cạnh huyền của một tam giác vuông có các cạnh góc vuông bằng 7cm và 24cm.

61. Cho tam giác ABC, đường cao AH. Gọi I là trung điểm của AC, E là điểm đối xứng với H qua I. Tứ giác AHCE là hình gì? Vì sao?

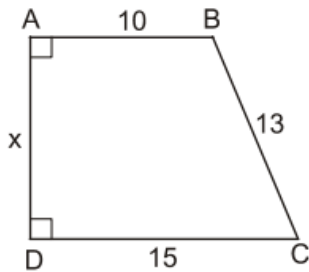
Hướng dẫn bài 60/99



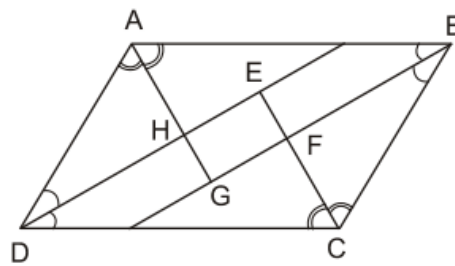
Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có
 $BC^2 = AB^2 + AC^2$ (định lý Pitago)
 $= 7^2 + 24^2 = 625$
 nên $BC = 25$ cm
 AD là đường trung tuyến của $\triangle ABC$ vuông tại A
 nên $AD = BC : 2 = 25 : 2 = 12,5$ cm

Bài tập 63, 64 trang 100 sgk toán 8 tập 1 (tự luyện thêm)

63. Tìm x trên hình 90.



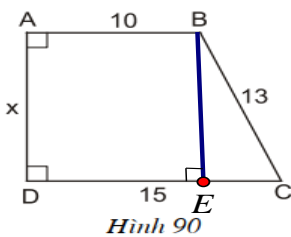
Hình 90



Hình 91

64. Cho hình bình hành ABCD. Các tia phân giác của các góc A, B, C, D cắt nhau như trên hình 91. Chứng minh rằng EFGH là hình chữ nhật.

Hướng dẫn bài 63/100



Hình 90

Vẽ $BE \perp DC$ tại E
 Tứ giác ABED có
 $\angle A = \angle D = \angle E = 90^\circ$
 nên ABED là hình chữ nhật
 $\Rightarrow AB = DE = 10 \Rightarrow EC = 15 - 10 = 5$
 và $BE = AD = x$
 Xét BEC vuông tại E có
 $BC^2 = BE^2 + EC^2$ (định lý Pitago)
 $13^2 = x^2 + 5^2$
 $\Rightarrow x^2 = 169 - 25 = 144$
 nên $x = 12$

-----HẾT-----

11. MÔN: HÓA HỌC KHỐI 8

CHỦ ĐỀ 5: SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT - PHẢN ỨNG HÓA HỌC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I/ Sự biến đổi chất

- **Hiện tượng vật lí:** hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu.

Không tạo thành chất mới

Ví dụ: nước bay hơi, đường hòa tan vào nước

- **Hiện tượng hóa học:** hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác.

Ví dụ: phân hủy đường, sắt bị gỉ

II/ Phản ứng hóa học

- **Định nghĩa:** Phản ứng hóa học là quá trình biến đổi chất này thành chất khác.

- **Phương trình chữ:** Các chất phản ứng → Các chất sản phẩm

Ví dụ: Sulfur + Iron → Iron (II) sulfide
Đường → Carbon + Nước

- **Điển biến của phản ứng hóa học:** Trong phản ứng hóa học chỉ có liên kết giữa các nguyên tử thay đổi làm cho phân tử này biến đổi thành phân tử khác, kết quả chất này biến thành chất khác.

- **Điều kiện xảy ra phản ứng:** Các chất phải tiếp xúc với nhau; Có trường hợp cần đun nóng; Có trường hợp cần chất xúc tác.

- **Dấu hiệu nhận biết có phản ứng hóa học:** Dựa vào dấu hiệu có chất mới tạo thành (thay đổi màu sắc, mùi vị, phát sáng, tỏa nhiệt, . . .)

B. BÀI TẬP

Bài 1: Phân biệt hiện tượng vật lí và hiện tượng hóa học

Quá trình	Hiện tượng
a. Sulfur cháy trong không khí tạo ra chất khí có mùi hắc là khí Sulfur dioxide	HT hóa học
b. Thủy tinh nóng chảy thổi thành bình cầu.	HT vật lí
c. Cồn để trong lọ không kín bị bay hơi	
d. Thức ăn để lâu ngày bị ôi thiu	
e. Nước cho vào tủ đá làm lạnh thành đá viên	
f. Cuốc sắt để ngoài không khí bị gỉ	

g. Khí bếp gas cháy tạo ngọn lửa có màu xanh	
h. Cho nước biển bay hơi, người ta thu được muối ăn	

Bài 2: Viết phương trình chữ biểu diễn các các phản ứng sau

a. Đốt *iron* trong *khí oxygen* sinh ra *iron (II, III) oxide*.

.....

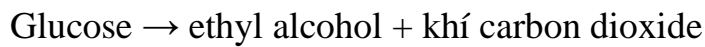
b. Điện phân *nước* thu được *khí oxygen* và *khí hydrogen*.

.....

c. Kim loại *zinc* tác dụng với *sulfuric acid* sinh ra *zinc sulfate* và *khí hydrogen*.

.....

Mẫu Lên men *glucose* thu được *ethyl alcohol* và *khí carbon dioxide*.



Bài 3: quá trình sản xuất đá vôi gồm 2 công đoạn:

- Công đoạn 1: nghiền đá vôi thành từng viên nhỏ.
- Công đoạn 2: các viên đá nhỏ được cho vào lò nung để thu được vôi sống (calcium oxide) và thoát ra khí carbon dioxide.

Hãy cho biết công đoạn nào xảy ra hiện tượng vật lí, công đoạn nào xảy ra hiện tượng hóa học.

.....

.....

Bài 4: Bỏ quả trứng vào dung dịch hydrochloric acid thấy sủi bọt ở vỏ trứng. Biết rằng hydrochloric acid tác dụng với calcium carbonate tạo ra calcium chloride, nước và khí carbon dioxide.

- Dấu hiệu nào nhận biết có xảy ra phản ứng hóa học.
- Ghi lại phương trình chữ của phản ứng.

.....

.....

Bài 5: Khi đốt than cháy trong không khí là xảy ra phản ứng giữa than và khí oxygen.

- Theo em tại sao cần đập nhỏ than trước khi cho vào đốt.
- Viết phương trình chữ của phản ứng biết sản phẩm của phản ứng là khí carbon dioxide

.....
.....

-----HÉT-----

12. MÔN CÔNG NGHỆ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

CHỦ ĐỀ : BẢN VẼ KỸ THUẬT

Tiết 13-Bài 13: BẢN VẼ LẮP

I-Nội dung của bản vẽ chi tiết:

- Bản vẽ lắp diễn tả hình dạng, kết cấu của một sản phẩm và vị trí tương quan giữa các chi tiết máy của sản phẩm.
- Bản vẽ lắp dùng trong thiết kế, lắp ráp và sử dụng sản phẩm.
- Nội dung của bản vẽ lắp gồm:
 - + Hình biểu diễn.
 - + Kích thước.
 - + Bảng kê.
 - + Khung tên.

II-Đọc bản vẽ chi tiết :

Trình tự đọc bản vẽ chi tiết gồm 5 bước:

Bước 1: Khung tên:

- Tên gọi sản phẩm
- Tỷ lệ bản vẽ

Bước 2: Bảng kê

- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết

Bước 3: Hình biểu diễn

- Tên gọi hình chiếu, hình cắt

Bước 4: Kích thước

- Kích thước chung
- Kích thước lắp giữa các chi tiết
- Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết

Bước 5: Phân tích chi tiết

- Vị trí của các chi tiết

Bước 6: Tổng hợp

- Trình tự tháo, lắp
- Công dụng của sản phẩm

* Chú ý: (xem SGK)

VD: Đọc bản vẽ lắp của bộ vòng đai (h.13.1) theo bảng 13.1 trong SGK trang 42

B.LUYỆN TẬP:

Câu 1: Thế nào là bản vẽ lắp? Bản vẽ lắp dùng để làm gì?

Câu 2: Em hãy nêu trình tự đọc bản vẽ lắp?

Câu 3: Xem lại cách đọc bản vẽ lắp của bộ vòng đai (h.13.1) theo bảng 13.1 trong SGK trang 42.

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 14- Bài 14 Bài tập thực hành ĐỌC BẢN VẼ LẮP ĐƠN GIẢN

I. Chuẩn bị: (xem SGK)

II. Nội dung:

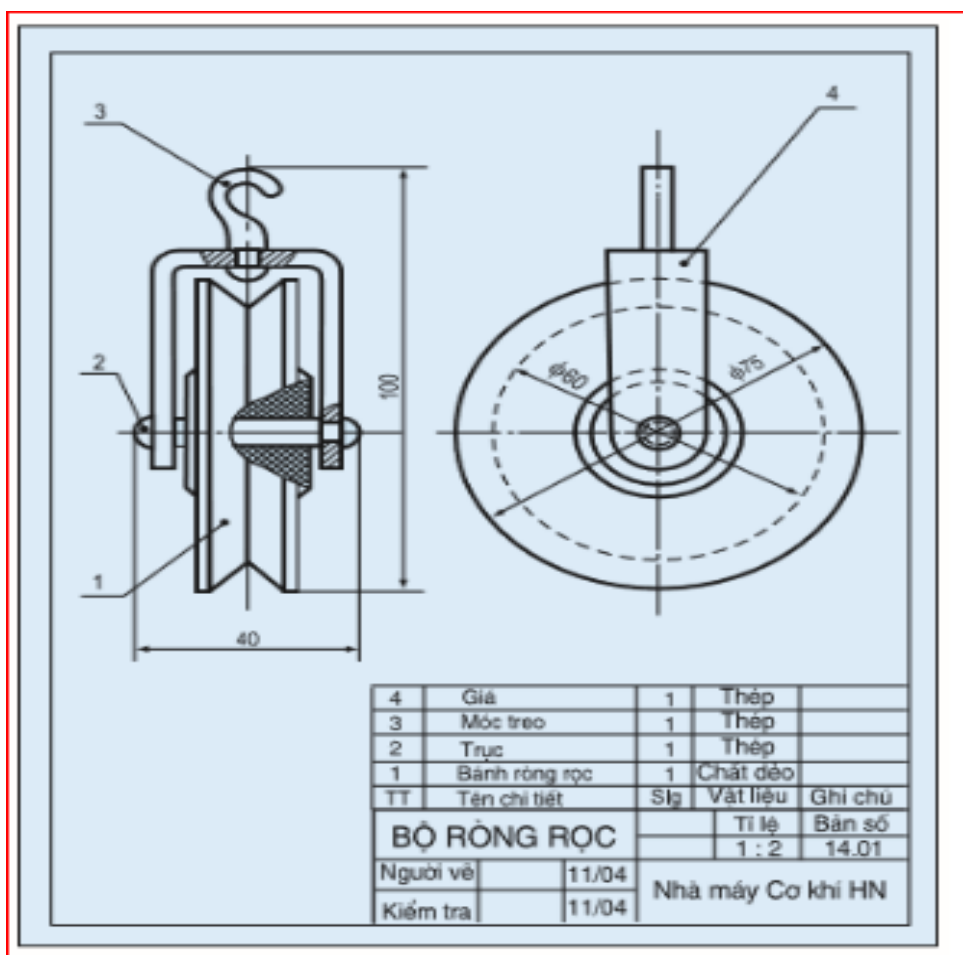
Đọc bản vẽ lắp bộ ròng rọc (h.14.1) và trả lời các câu hỏi theo mẫu bảng 13.1 (ở bài 13)

III. Các bước tiến hành:

- Cần nắm vững cách đọc bản vẽ lắp
- Đọc bản vẽ lắp bộ ròng rọc theo trình tự như ví dụ ở bài 13

B. LUYỆN TẬP: (Hướng dẫn HS tự học)

Học sinh tự học: Đọc bản vẽ lắp bộ ròng rọc theo trình tự như ví dụ ở bài 13 vào bảng.



Hình 14.1: Bản vẽ lắp bộ ròng rọc

DẶN DÒ:

- Học sinh ôn lại kiến thức nội dung các bài đã học (học bài, ghi chép bài đầy đủ)+ xem lại các bài tập → chuẩn bị kiểm tra giữa kì I vào tuần 9.
- Hoàn thành các bài tập các tuần trên trang lớp học kết nối

Lớp : STT:.....Họ và tên HS:

NỘI DUNG: Đọc bản vẽ lắp bộ ròng rọc (h.14.1) và trả lời các câu hỏi theo mẫu bảng 13.1 (ở bài 13)

Trình tự đọc	Nội dung cần hiểu	Bản vẽ lắp bộ ròng rọc (h.14.1)
1. Khung tên	- Tên gọi sản phẩm - Tỷ lệ bản vẽ	
2. Bảng kê	- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết	
3. Hình biểu diễn	- Tên gọi hình chiếu, hình cắt	
4. Kích thước	- Kích thước chung - Kích thước lắp giữa các chi tiết - Kích thước xác định khoảng cách giữ các chi tiết	
5. Phân tích chi tiết	- Vị trí của các chi tiết	
6. Tổng hợp	- Trình tự tháo, lắp - Công dụng của sản phẩm	

-----HẾT-----

13. MÔN: ÂM NHẠC KHỐI 8

Tiết 7: **Ôn tập kiểm tra**

1. Ôn tập bài hát:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời, tập trình bày bài có tình cảm bài hát Mùa thu ngày khai trường
- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời, tập trình bày bài có tình cảm bài hát Lí đĩa bánh bò

2. Ôn tập bài Tập đọc nhạc: :

- Tập đọc tên nốt và giai điệu, ghép lời bài TĐN số 1
- Tập đọc tên nốt và giai điệu, ghép lời bài TĐN số 2

3. Ôn tập Âm nhạc thường thức:

- Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát Một mùa xuân nho nhỏ
 - Tìm hiểu về tiểu sử và sự nghiệp của nhạc sĩ Trần Hoàn
 - Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và nội dung bài hát Một mùa xuân nho nhỏ
- Nhạc sĩ Hoàng Vân và bài hát Hồ kéo pháo
 - Tìm hiểu về tiểu sử và sự nghiệp của nhạc sĩ Hoàng Vân
 - Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và nội dung bài hát Hồ kéo pháo

-----HẾT-----

14. MÔN VẬT LÝ 8

BÀI 6. LỰC MA SÁT

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. KHI NÀO CÓ LỰC MA SÁT?

1/ Lực ma sát trượt:

- Lực ma sát trượt sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt một vật khác.
- Ngược chiều chuyển động, ngăn cản chuyển động.

2/ Lực ma sát lăn:

- Lực ma sát lăn sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt một vật khác.
- Ngược chiều chuyển động, ngăn cản chuyển động.

* **Độ lớn của lực ma sát trượt lớn hơn nhiều so với độ lớn của lực ma sát lăn.**

3/ Lực ma sát nghỉ:

- Lực ma sát nghỉ giữ cho vật không bị trượt hoặc lăn khi vật chịu tác dụng của lực khác.
- Lực ma sát nghỉ có độ lớn bằng lực kéo hoặc đẩy.

II. LỰC MA SÁT TRONG ĐỜI SỐNG VÀ KỸ THUẬT:

1/ Lực ma sát có thể có hại:

Cách làm giảm:

- Bôi trơn dầu, nhớt, mỡ kỹ thuật
- Chuyển ma sát trượt thành ma sát lăn như gắn bánh xe, trụ lăn
- Giảm lực ép lên mặt tiếp xúc

2/ Lực ma sát có thể có lợi:

Cách làm tăng:

- Tăng độ nhám bề mặt tiếp xúc
- Bánh xe có khía, rãnh sâu
- Tăng diện tích tiếp xúc, tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

DẶN DÒ:

- Học bài
- Tuần sau luyện tập bài 6.

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ MÔN
THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Hóa học		
5	GDCD		
6	Tin học		
7	Công nghệ		
8	Sinh học		

9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		
11	Tiếng Anh		
12	Lịch sử		
13	Địa lý		
14	Âm nhạc		